**TUẦN 7**

**BÀI 13: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ DỊCH VỤ**

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**I. Cơ cấu và vai trò củ dịch vụ trong nền kinh tế:**

**1. Cơ cấu ngành dịch vụ:**

- Dịch vụ là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của con người .

- Bao gồm 3 nhóm ngành:

              + Dịch vụ tiêu dùng: thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ cá nhân và cộng đồng.

              + Dịch vụ sản xuất: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, tín dụng, kinh doanh tài sản, tư vấn

              + Dịch vụ công cộng: khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao, quản lí nhà nước,  đoàn thể và bảo hiểm xã hội.

- Khi kinh tế càng phát triển thì dịch vụ càng trở nên đa dạng.

              +  Ở nông thôn hiện nay, Nhà nước đầu tư xây dựng các mô hình đường, trường, trạm, đó là các dịch vụ công cộng.

              +  Ngày nay, kinh tế phát triển việc đi lại trong nước và nước ngoài bằng đủ các loại phương tiện.

              +  Hiện nay, các khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí ngày càng được xây dựng nhiều (dịch vụ tiêu dùng).

**2. Vai trò của dịch vụ:**

- Cung cấp nguyên liệu, vật tư sản xuất cho các ngành kinh tế.

- Tiêu thụ sản phẩm tạo ra mối liên hệ giữa các ngành sản xuất trong và ngoài nước.

- Thu hút ngày càng nhiều lao động, tạo nhiều việc làm, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và đem lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế.

**II. Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta:**

**1. Đặc điểm phát triển:**

- Dịch vụ nước ta chiếm khoảng 25% lao động và 38,5% cơ cấu GDP (2002).

- Trong điều mở cửa nền kinh tế, các hoạt động dịch vụ nước ta đang ngày càng phát triển rất nhanh để vươn lên tầm khu vực và quốc tế.

-  Việt Nam đang trở thành thị trường thu hút nhiều công ty nước ngoài mở các hoạt động dịch vụ và khả năng thu lợi nhuận cao của các ngành dịch vụ.

- Việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ phải dựa trên trình độ công nghệ cao, lao động lành nghề, cơ sở hạ tầng kĩ thuật tốt. Đây là một thách thức trong phát triển các hoạt động dịch vụ ở nước ta hiện nay.

**2. Đặc điểm phân bố:**

- Sự phân bố của các hoạt động dịch vụ phụ thuộc chặt chẽ vào phân bố của các đối tượng đòi hỏi dịch vụ, trước hết là phân bố dân cư

+ Ở các thành phố lớn, thị xã, các vùng đồng bằng, tập trung đông dân cư và nhiều ngành sản xuất cũng là nơi tập trung nhiều hoạt động dịch vụ

+ Ở các vùng núi, dân cư thưa thớt, kinh tế còn nặng tính chất tự cấp, tự túc thì các hoạt động dịch vụ còn nghèo nàn.

Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất nước ta, vì ở đây tập trung các đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn nhất cả nước, tập trung nhiều trường đại học lớn, các viện nghiên cứu, các bệnh viện chuyên khoa hàng đầu, các trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng lớn nhất và nhiều dịch vụ khác như quảng cáo, bảo hiểm, tư vấn, văn hoá, nghệ thuật, ăn uống, … đều phát triển mạnh.

………………………………………………………………………………………………

****B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI: (Bài tập)****

*****Bài tập 2 trang 50 SGK: Lấy ví dụ ở đâu đông dân thì ở đó tập trung nhiều hoạt động dịch vụ.*****

*****Trả lời:*****

- Ở các thành phố lớn, thị xã, các vùng đồng bằng là nơi tập trung đông dân cư, nơi đó tập trung nhiều hoạt động dịch vụ. Ở vùng núi, dân cư thưa thớt, hoạt động dịch vụ còn nghèo nàn.

- Tại các đô thị lớn, có dân số đông (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh,...) có nhiều loại hình dịch vụ hơn ở các đô thị nhỏ, ít dân.

*****Bài tập 3 trang 50 SGK: Tại sao Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất ở nước ta?*****

*****Trả lời:*****

- Hà Nội là thủ đô của cả nước, TP. Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất phía Nam nước ta.

- Hai thành phố lớn nhất cả nước.

- Hai trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước (đặc biệt là hoạt động công nghiệp).

….…………………………………………………………………………………………

**BÀI 14: GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**I. Giao thông vận tải:**

**1. Ý nghĩa:**

-   Thực hiện các mối quan hệ kinh tế trong và ngoài nước.

-   Tạo điều kiện cho những vùng khó khăn có cơ hội phát triển.

-   Khi tiến hành đổi mới nền kinh tế thì giao thông vận tải phải được chú trọng và phát triển đi trước 1 bước.

**2. Giao thông vận tải ở nước ta đã phát triển đầy đủ các loại hình:**

*\* Đường bộ:* là quan trọng nhất vì nó chuyên chở khối lượng hàng hoá và hành khách lớn nhất. Cả nước có gần 205 nghìn km đường bộ. Đây là loại hình thích hợp với vận chuyển hàng hoá ở cự li ngắn và trung bình, nhất là giao thông trong thành phố lớn. Giao thông đường bộ có tính cơ động cao hơn các loại hình vận tải khác. Với điều kiện nước ta đồi núi chiếm ¾ diện tích nên loại hình vận tải đường bộ là thích hợp hơn cả.

Đường bộ cũng là đường được đầu tư nâng cấp nhiều nhất, nhiều cầu lớn được thay cho phà, nhiều hầm đèo được xây dựng như cầu Mĩ Thuận, hầm đeo Hải Vân….Các tuyến đường quan trọng QL 1A, 5, 18. 51, 22.

*\* Đường hàng không:* có tốc độ phát triển nhanh nhất để đáp ứng nhu cầu vận chuyển nhanh của đất nước trong thời kì  công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tuy nhiên tỉ trọng vận chuyển hàng hoá còn thấp.

Các sân bay quốc tế: Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và 19 sân bay địa phương nối Việt Nam với nhiều nước châu Á, châu Âu, Bắc Mĩ  và Ô-xtrây-li-a. Hiện nay Việt Nam đã có những máy bay hiện đại như: Boeing 777, Boeing 767,…

*\* Đường sắt:* Phát triển chủ yếu ở miền Bắc, dài nhất là tuyến đường sắt Thống Nhất 1730 km, cùng với tuyến quốc lộ 1A tạo thành trục xương sống của giao thông vận tải nước ta. Đường sắt luôn được cải tiến kĩ thuật và nâng cao chất lượng. Tuy nhiên có nhiều hạn chế nên tỉ trọng vận chuyển hàng hoá không tăng.

*\* Đường sông:*Mạng lưới đường sông của nước ta mới được khai thác ở mức độ thấp, chủ yếu là ở 2 hệ thống sông Hồng và Cửu Long.

*\* Đường biển:* Bao gồm vận tải ven biển và vận tải biển quốc tế. Hoạt động vận tải biển quốc tế được đẩy mạnh do việc mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại. Ba cảng biển lớn nhất là Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn.

*\* Đường ống:*đang ngày càng phát triển, gắn với sự phát triển của ngành dầu khí. Vận chuyển bằng đường ống là cách hiệu quả nhất để chuyên chở dầu mỏ và khí.

**II. Bưu chính viễn thông:**

**1. Ý nghĩa:**

- Là loại hình dịch vụ có ý nghĩa chiến lược góp phần đưa Việt Nam trở thành 1 nước công nghiệp, nhanh chóng hội nhập với kinh tế thế giới.

- Các dịch vụ cơ bản của bưu chính viễn thông là điện thoại, điện báo, truyền dẫn số liệu, internet, phát hành báo chí, chuyển bưu kiện, bưu phẩm. Nhiều dịch mới chất lượng cao như điện hoa, chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh…

**2. Những thành tựu từ sau công cuộc đổi mới:**

- Mật độ điện thoại và tốc độ phát triển điện thoại tăng rất nhanh

- Mạng lưới viễn thông quốc tế và liên tỉnh nâng lên vượt bậc phát triển rộng khắp cả nước.

- Đã xây dựng các trạm vệ tinh, các tuyến cáp quang nối các tỉnh trong nước và nối Việt Nam với hơn 30 nước trên thế giới.

- Nước ta đã hoà mạng Internet vào cuối năm 1997, đây là kết cấu hạ tầng kĩ thuật tối quan trọng để Việt Nam phát triển và hội nhập.

1. **Vai trò:**

- Cung cấp thông tin kip thời cho phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân.

- Là phương tiện để tiếp thu các tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

- Phục vụ vui chơi giải trí học tập của nhân dân.

- Là phương tiện để Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

****B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI: (Bài tập)****

*****Bài tập 1 trang 55 SGK: Trong các loại hình giao thông ở nước ta, loại hình nào mới xuất hiện trong thời gian gần dây?*****

*****Trả lời:*****

Loại hình đường ống.

*****Bài tập 2 trang 55 SGK: Dựa vào hình 14.2, hăy kể tên và xác định các quốc lộ chính.*****

*****Trả lời:*****

Các quốc lộ chính: 1A, 5, 18, 51, 22, đường Hồ Chí Minh.

*****Bài tập 3 trang 55 SGK: Xác định trên hình 14.2 các cảng biển ở các vùng của nước ta*****

*****Trả lời:*****

- Trung du và miền núi Bắc Bộ: Cảng Hạ Long.

- Đồng bằng sông Hồng: Cảng Hải Phòng.

- Bắc Trung Bộ: Cảng Vinh, Huế.

- Duyên hải Nam Trung Bộ: Cảng Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh.

- Đông Nam Bộ: Cảng Vũng Tàu.

- Đồng bằng sông Cửu Long: Cảng Rạch Giá.

*****Bài tập 4 trang 55 SGK: Việc phát triển các dịch vụ điện thoại và Internet tác động như thế nào đến đời sống kinh tế - xã hội nước ta?*****

*****Trả lời:*****

- Đảm bảo thông tin, liên lạc phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

- Tạo điều kiện để người dân tiếp thu các thành tựu về khoa học công nghệ, văn hoá, xã hội, làm phong phú đời sống văn hoá và nâng cao trình độ nhận thức mọi mặt.

**Dặn dò:**

**- Học bài 13 và 14.**

**- Làm các bài tập ở cuối bài.**

**- Đọc trước bài 15 và 16.**

………………………………………………………………………………………………

**TUẦN 8**

**BÀI 15: THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**
2. **Thương mại:**

**1. Nội thương:**

*- Thành tựu:*

+ Cả nước là một thị trường thống nhất.

+ Hàng hoá đa dạng, dồi dào, tự do lưu thông.

+ Cả nước là một thị trường thống nhất.

+ Hệ thống các chợ hoạt động tấp nập, các trung tâm thương mại, siêu thị và các cửa hàng ngày càng xuất hiện nhiều ở các thành phố.

- Tuy nhiên nội thương nước ta phát triển chưa đều giữa các vùng trong nước là do phụ thuộc vào quy mô dân số, sức mua của nhân dân dân tăng lên và sự phát triển của các hoạt động kinh tế khác.

Do đó Đông Nam Bộ, Đồng bằng Sông Hồng, Đồng bằng Sông Cửu Long là những vùng có nội thương phát triển nhất.

Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm thương mại lớn nhất nước ta.

*- Hạn chế:*

+ Sự phân tán manh mún, hàng thật, hàng giả cùng tồn tại trên thị trường.

+ Lợi ích của người kinh doanh chân chính và của người tiêu dùng chưa được bảo vệ đúng mức.

+ Cơ sở vật chất còn chậm đổi mới.

**2. Ngoại thương:**

Là hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng nhất ở nước ta: Giải quyết đầu ra cho các sản phẩm, đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

\* Xuất khẩu:

- Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

- Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.

- Hàng nông, lâm, thuỷ sản.

\* Nhập khẩu: Máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, một ít lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng.

Thị trường mua bán chủ yếu của ta là khu vực châu Á Thái Bình Dương, thị trường châu Âu, Bắc Mĩ.

**II. Du lịch:**

- Đem lại nguồn thu nhập lớn, góp phần mở rộng giao lưu giữa nước ta với các nước trên thế giới và cải thiện đời sống nhân dân.

- Việt Nam giàu tài nguyên du lịch:

+ Du lịch tự nhiên: Phong cảnh, bãi tắm đẹp, khí hậu tốt, có nhiều vườn quốc gia với các động thực vật quí hiếm, … .

+ Du lịch văn nhân: Các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, các làng nghề truyền thống, văn hoá dân gian,…

- Nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng đã được công nhận là di sản thế giới như: Vịnh Hạ Long, Động Phong Nha, Cố đô Huế, Di tích Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An.

- Hiện nay, ngành du lịch đang có chiến lược để tạo ra nhiều sản phẩm du lịch mới, tăng sức cạnh tranh trong khu vực.

………………………………………………………………………………………………

****B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI: (Bài tập)****

*****Bài tập 1 trang 60 SGK: Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất cả nước?*****

*****Trả lời:*****

Điều kiện thuận lợi của hai thành phố:

- Có vị trí đặc biệt thuận lợi.

- Đây là hai trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.

- Hai thành phố đông dân nhất nước ta.

- Tập trung nhiều tài nguyên du lịch.

*****Bài tập 2 trang 60 SGK: Hãy xác định trên Lược đồ Việt Nam một số trung tâm du lịch nổi tiếng.*****

*****Trả lời:*****

Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Hạ Long, Hải Phòng, Nha Trang, Đà Lạt, cần Thơ.

*****Bài tập 3 trang 60 SGK: Vì sao nước ta lại buôn bán nhiều nhất với thị trường khu vực châu Á - Thái Bình Dương?*****

*****Trả lời:*****

- Đây là khu vực gần nước ta.

- Khu vực đông dân và có tốc độ phát triển nhanh.

**BÀI 16: THỰC HÀNH VẼ BIỂU ĐỒ VỀ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ**

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**a) Vẽ biểu đồ:**



**Biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP các ngành kinh tế nước ta, thời kì 1991 - 2002**

**b) Nhận xét:**

- Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế có sự thay đổi rõ nét:

 + Tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm mạnh: từ 40,5% (năm 1991) xuống còn 23% (năm 2002).

 + Tỉ trọng của khu vực công nghiệp, xây dựng tăng nhanh: từ 23,8% (năm 1991) tăng lên 38,5 % (năm 2002).

+ Khu vực dịch vụ tuy có biến động nhưng vẫn chiếm tỉ trọng cao (năm 2002 chiếm 38,5%).

⟹ Sự thay đổi như trên cho thấy: từ sau năm 1991, cơ cấu kinh tế của nước ta đã có sự chuyện dịch theo hướng tích cực: giảm tỉ trọng ngành nông -lâm -ngư nghiệp, đẩy mạnh phát triển công nghiệp xây dựng và dịch vụ; phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**Dặn dò:**

**- Học bài 15 và 16.**

**- Chuẩn bị ôn tập kiểm tra giữa HKI: xem lại các bài đã học từ bài 1 đến 15.**